

Tăng tỷ trọng

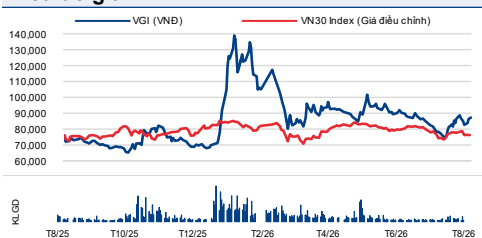
Giá mục tiêu: VNĐ96,000

Tiềm năng tăng/giảm: 10.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/8/2026)	87,300
Mã Bloomberg	VGI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	65,000-138,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	85,675
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	265,725
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,180
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,044
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.01
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	(0.00%)
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (99.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	44,271	54,234	64,150
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,021	21,298	25,096
LNTT (tỷ đồng)	15,176	18,848	21,728
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,218	11,572	13,340
FCF (tỷ đồng)	10,529	7,070	5,019
EPS ĐC (đồng)	3,028	3,802	4,383
DPS (đồng)	3,300	3,300	3,500
BVPS (đồng)	14,074	14,576	15,658
T.trưởng EBITDA (%)	46.1	32.9	17.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	63.8	25.5	15.3
Tăng trưởng DPS (%)	340	0	6.06
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	36.2	39.3	39.1
Tỷ suất LNTT (%)	34.3	34.8	33.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	21.0	21.6	21.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	109	86.8	79.9
Nợ thuần/VCSH (%)	(32.0)	(23.8)	(11.0)
ROAE (%)	24.6	28.0	30.5
ROACE (%)	28.0	33.1	36.6
EV/doanh thu (lần)	5.14	4.25	3.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.2	10.8	9.18
P/E ĐC (lần)	28.8	23.0	19.9
P/B (lần)	6.20	5.99	5.58
Lợi suất cổ tức (%)	3.78	3.78	4.01

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VGI là cánh tay nối dài của Viettel, nhà mạng lớn nhất Việt Nam tại thị trường quốc tế, với vị trí số 1 tại 7 trên 8 thị trường đang vận hành, cùng kế hoạch tiếp tục mở rộng thị trường.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Chính thức gia nhập thị trường Dominica

- VGI đã chính thức trúng thầu 240 MHz phổ tần tại Cộng hòa Dominica với thời hạn 20 năm, đánh dấu bước thâm nhập chính thức và thiết lập sự hiện diện tại thị trường này.
- Trong giai đoạn 2026-2030, công ty có kế hoạch mở rộng thêm ít nhất 2 thị trường mới, từ 8 thị trường hiện hữu. Do đó, Cộng hòa Dominica là bước đi đầu tiên trong chiến lược tái mở rộng quy mô kinh doanh quốc tế của VGI kể từ năm 2018.
- Bước đi này sẽ củng cố vững chắc đà tăng trưởng của VGI trong dài hạn, dù lợi nhuận ngắn hạn có thể chịu áp lực nhất định từ các khoản lỗ vận hành ban đầu trong giai đoạn khởi động. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 96.000đ (tiềm năng tăng giá là 10%).

Sự kiện: Trúng thầu phổ tần tại Cộng hòa Dominica...

Theo công bố từ Cơ quan Quản lý Viễn thông Cộng hòa Dominica (INDOTEL) vào ngày 20/8/2026, VGI đã chính thức trúng thầu quyền sử dụng 240 MHz phổ tần thông qua hình thức đấu giá công khai, bao gồm:

- 40 MHz ở băng tần 700 MHz, với mức giá tham chiếu 40.000 USD/MHz/năm.
- 100 MHz ở băng tần 2,3 GHz, với mức giá tham chiếu 15.000 USD/MHz/năm.
- và 100 MHz ở băng tần 3,6 GHz, với mức giá tham chiếu 21.000 USD/MHz/năm;

Dựa trên biểu đồ giá tham chiếu do INDOTEL công bố, tổng giá trị ước tính cho các khối phổ tần mà VGI sở hữu đạt khoảng 104 triệu USD cho toàn bộ thời hạn cấp phép. Đáng chú ý, phiên đấu giá lần này chỉ ghi nhận hai nhà mạng trúng thầu thành công, bên cạnh VGI còn có Claro – nhà mạng nắm thị phần lớn nhất tại Cộng hòa Dominica – đã trúng khối 20 MHz ở dải băng tần 700 MHz.

Trong vòng 90 ngày tới, VGI sẽ phải hoàn tất thủ tục thành lập pháp nhân tại Cộng hòa Dominica và tiến hành ký kết hợp đồng nhượng quyền viễn thông chính thức với INDOTEL.

... đánh dấu bước mở rộng thị trường quốc tế đầu tiên của VGI kể từ năm 2018

Tại ĐHCĐ năm 2026, VGI đã đề ra mục tiêu thâm nhập thêm ít nhất 2 thị trường mới cho đến năm 2030, như một phần trong chiến lược hỗ trợ tăng trưởng dài hạn thông qua việc tái mở rộng quy mô quốc tế. HSC tin rằng VGI hiện đang có vị thế vững chắc hơn để theo đuổi chiến lược này nhờ nền tảng tài chính được cải thiện đáng kể. Các khoản lỗ lũy kế trong quá khứ phần lớn đã được xử lý và kiểm soát tốt. Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi từ các thị trường đang hoạt động duy trì ở mức cao.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Băng tần VGI đã được cấp tại Dominica

VGI đã trúng đấu giá 240 MHz phổ tần, với tổng giá trị tham chiếu là 104 triệu USD.

Băng tần phổ	Dung lượng khối phổ tần VGI đã được cấp (MHz)	Giá tham chiếu (USD/MHz/năm)	Thời hạn giấy phép (năm) (years)	Giá tham chiếu mỗi năm (triệu USD)	Giá tham chiếu trong toàn bộ thời hạn giấy phép (triệu USD)
700 MHz	40	40,000	20	1.6	32
2.3 GHz	100	15,000	20	1.5	30
3.6 GHz	100	21,000	20	2.1	42
Tổng	240			5.2	104

Nguồn: INDOTEL

Trong bối cảnh đó, vào đầu năm nay, VGI đã phê duyệt kế hoạch chi tiêu vốn trị giá 560 triệu USD cho khoản đầu tư vào Cộng hòa Dominica. Việc giành được quyền sử dụng băng tần đánh dấu bước thâm nhập chính thức của VGI vào thị trường này và thể hiện bước đi đầu tiên trong nỗ lực tái mở rộng thị trường quốc tế. Đáng chú ý, đây là lần thâm nhập thị trường quốc tế mới đầu tiên của VGI sau 8 năm gián đoạn, kể từ khoản đầu tư chiến lược vào thị trường Myanmar vào năm 2018.

Với thị trường Dominica, tổng số thị trường đang hoạt động của VGI hiện đã tăng lên con số 9 (từ 8 thị trường trước đó). Nhìn lại lịch sử giải ngân, VGI sở hữu bề dày thành tích ấn tượng với khả năng rút ngắn thời gian thu hồi vốn. Hàng loạt thị trường trọng điểm như Lào (Unitel), Campuchia (Metfone), Timor-Leste (Telemor), Mozambique (Movitel) và Burundi (Lumitel) đều nhanh chóng có lãi chỉ sau 1-2 năm khai thác thương mại. Một số thị trường cần thời gian dài hơn để bắt đầu ghi nhận lợi nhuận như Haiti (Natcom, 6 năm) và (Myanmar (Mytel, 7 năm), từng bị gián đoạn trong giai đoạn 2021-2024 do biến động chính trị vào năm 2021). Tanzania (Halotel) hiện vẫn là thị trường duy nhất còn ghi nhận lỗ. Đối với các thị trường có lãi, thời gian hoàn vốn thông thường dao động trong khoảng từ 6 đến 12 năm.

Cộng hòa Dominica: Cục diện "song mã" chi phối thị trường viễn thông

Cộng hòa Dominica là nền kinh tế lớn nhất khu vực Caribbean (Mỹ Latinh), với quy mô dân số 11,6 triệu dân, GDP bình quân đầu người ở mức tương đối cao (khoảng 11.000 USD) và nền chính trị ổn định.

Thị trường viễn thông tại đây nhìn chung đang ở giai đoạn bão hòa, với tỷ lệ thâm nhập di động đạt 95% vào năm 2025. Mặc dù có 3 nhà mạng đang hoạt động, thị trường trên thực tế lại mang cấu trúc độc quyền đôi, trong đó hai nhà mạng lớn nhất là Claro và Altice nắm giữ tới 97% tổng thị phần (Claro chiếm 64%, Altice chiếm 33%). Nhà mạng còn lại là Viva hiện chỉ nắm giữ khoảng 3% thị phần.

Peru có thể được xem là trường hợp tham chiếu tương đồng nhất đối với kế hoạch thâm nhập và mở rộng thị trường Cộng hòa Dominica của VGI. Khác với các thị trường trước đây mà VGI thường thâm nhập khi ngành viễn thông còn sơ khai, cả hai nước quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha tại châu Mỹ Latinh này đều có tỷ lệ thâm nhập di động tương đối cao và các nhà mạng hiện hữu đã có vị thế vững chắc:

VGI có bề dày kinh nghiệm hoạt động tại thị trường Peru thông qua việc cung cấp dịch vụ tư vấn quản trị chiến lược cho Bitel – nhà mạng do Tập đoàn Viettel (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; công ty mẹ nắm giữ 99% vốn điều lệ của VGI) thành lập và sở hữu từ năm 2014.

Dù đến sau, Bitel đã bắt đầu có lãi chỉ sau 2 năm ra mắt và vươn lên trở thành nhà mạng di động lớn thứ hai tại Peru với khoảng 24% thị phần tính đến năm 2025. Điều này chứng minh năng lực của VGI trong việc gia tăng thị phần ngay tại các thị trường đã phát triển và trưởng thành hơn. Chúng tôi đánh giá cao năng lực triển khai đã được kiểm chứng tại Peru, xem đây là bệ đỡ vững chắc giúp VGI từng bước thiết lập vị thế và gia tăng thị phần hiệu quả tại thị trường Cộng hòa Dominica.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

HSC đánh giá việc VGI giành được quyền sử dụng băng tần tại Dominica là một thông tin tích cực, hỗ trợ cho chiến lược mở rộng quy mô và tăng trưởng dài hạn của công ty. Với thị trường mới này, chi tiêu vốn của VGI dự kiến sẽ tăng trong giai đoạn 2026-2028, đồng thời HĐKD mới có thể sẽ ghi nhận lỗ trong những năm đầu tiên, nhưng chúng tôi kỳ vọng mức lỗ này sẽ tương đối khiêm tốn.

Lưu ý rằng mô hình định giá hiện tại vẫn chưa phản ánh khoản đầu tư vào thị trường mới này do chúng tôi chưa có đầy đủ thông tin chi tiết về kế hoạch triển khai của công ty. Ở giai đoạn này, chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng

và giữ nguyên giá mục tiêu 96.000đ (tiềm năng tăng giá là 10%). Sau khi giá cổ phiếu tăng 6% kể từ khi chúng tôi đưa ra khuyến nghị lần đầu vào ngày 17/8/2026, VGI đang giao dịch với EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 10,1 lần, cao hơn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 9,6 lần.

Bảng 2: So sánh Peru và Dominica

Dominica cũng là thị trường tương đối trưởng thành với tình trạng độc quyền song phương, tương tự Peru vào năm 2014.

	Peru (2014)	Peru (2025)	Cộng hòa Dominican (2025)
Dân số (triệu người)	30.8	34.5	11.5
GDP bình quân đầu người (USD)	6,400	9,000	11,000
Tỷ lệ thuê bao di động trên tổng dân số	106%	130%	95%
Các nhà mạng di động	3	4	3
Các nhà mạng lớn	Movistar, Claro, Nextel	Movistar, Claro, Bitel, Entel	Claro, Altice, Viva
Thị phần của nhà mạng lớn nhất	Movistar (54%)	Claro (30%)	Claro (64%)
Thị phần của nhà mạng lớn thứ hai	Claro (40%)	Bitel/Movistar (24% each)	Altice (33%)

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	35,368	44,271	54,234	64,150	74,411
Lợi nhuận gộp	17,905	22,711	27,659	32,780	38,098
Chi phí BH&QL	(10,416)	(10,972)	(11,889)	(13,971)	(16,126)
Thu nhập khác	386	972	1,085	1,283	1,488
Chi phí khác	(83.8)	(126)	(136)	(160)	(186)
EBIT	7,791	12,585	16,719	19,932	23,274
Lãi vay thuần	2,467	2,085	1,497	1,069	1,120
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	409	506	632	727	800
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	10,667	15,176	18,848	21,728	25,195
Chi phí thuế TNDN	(3,494)	(3,925)	(4,712)	(5,432)	(6,299)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,547)	(1,948)	(2,448)	(2,822)	(3,272)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,626	9,303	11,689	13,475	15,624
Lợi nhuận thuần ĐC	5,626	9,218	11,572	13,340	15,468
EBITDA ĐC	10,967	16,021	21,298	25,096	29,131
EPS (đồng)	1,848	3,028	3,802	4,383	5,082
EPS ĐC (đồng)	1,848	3,028	3,802	4,383	5,082
DPS (đồng)	750	3,300	3,300	3,500	4,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	3,044	3,044	3,044	3,044	3,044
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	3,044	3,044	3,044	3,044	3,044
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,044	3,044	3,044	3,044	3,044

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	13,376	18,198	17,173	14,271	13,486
Đầu tư ngắn hạn	23,487	26,862	27,117	32,075	37,206
Phải thu khách hàng	7,912	6,494	7,593	8,660	9,673
Hàng tồn kho	2,794	5,161	6,074	7,056	8,036
Các tài sản ngắn hạn khác	1,111	1,300	1,627	1,924	2,232
Tổng tài sản ngắn hạn	48,681	58,016	59,584	63,986	70,633
TSCĐ hữu hình	11,490	16,033	17,963	20,497	22,081
TSCĐ vô hình	12,761	11,970	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,473	1,984	1,984	1,984	1,984
Đầu tư vào Cty LD,LK	643	4,359	4,359	4,359	4,359
Tài sản dài hạn khác	444	410	163	192	223
Tổng tài sản dài hạn	14,758	23,495	26,095	28,957	30,880
Tổng cộng tài sản	63,439	81,511	85,680	92,943	101,513
Nợ ngắn hạn	1,748	2,770	3,254	3,849	4,465
Phải trả người bán	3,885	7,486	8,135	9,943	11,906
Nợ ngắn hạn khác	14,802	20,113	20,113	20,113	20,113
Tổng nợ ngắn hạn	22,599	32,499	33,640	36,050	38,636
Nợ dài hạn	975	2,257	3,758	5,316	6,485
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2,328	2,702	2,702	2,702	2,702
Nợ dài hạn khác	1,705	1,214	1,214	1,214	1,214
Tổng nợ dài hạn	5,008	6,173	7,674	9,232	10,401
Tổng nợ phải trả	27,607	38,672	41,314	45,282	49,037
Vốn chủ sở hữu	34,595	41,008	42,536	45,831	50,646
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,238	1,830	1,830	1,830	1,830
Tổng vốn chủ sở hữu	35,832	42,838	44,365	47,661	52,476
Tổng nợ phải trả và VCSH	63,439	81,511	85,680	92,943	101,513
BVPS (đ)	11,772	14,074	14,576	15,658	17,240
Nợ thuần/(tiền mặt)	(10,653)	(13,171)	(10,161)	(5,106)	(2,536)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	7,791	12,585	16,719	19,932	23,274
Khấu hao	(3,175)	(3,436)	(4,578)	(5,164)	(5,857)
Lãi vay thuần	2,467	2,085	1,497	1,069	1,120
Thuế TNDN đã nộp	(1,644)	(3,191)	(4,712)	(5,432)	(6,299)
Thay đổi vốn lưu động	4,791	3,862	(1,355)	(234)	(23.0)
Khác	4,350	3,414	(1,171)	(6,065)	(6,449)
LCT thuần từ HĐKD	16,329	16,964	13,578	12,717	15,555
Đầu tư TS dài hạn	(3,159)	(6,435)	(6,508)	(7,698)	(7,441)
Góp vốn & đầu tư	(24,337)	(31,338)	0	0	0
Thanh lý	16.0	175	0	0	0
Khác	16,783	27,031	(35.3)	(29.7)	(30.8)
LCT thuần từ HĐĐT	(10,697)	(10,568)	(6,543)	(7,728)	(7,472)
Cổ tức trả cho CSH	(1,155)	(4,034)	(10,045)	(10,045)	(10,653)
Thu từ phát hành CP	0	17.3	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(345)	2,173	1,985	2,153	1,785
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,500)	(1,845)	(8,059)	(7,892)	(8,869)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,874	13,376	18,198	17,173	14,271
LCT thuần trong kỳ	4,132	4,551	(1,025)	(2,903)	(785)
Ảnh hưởng của tỷ giá	370	271	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	13,376	18,198	17,173	14,271	13,486
Dòng tiền tự do	13,171	10,529	7,070	5,019	8,114

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	50.6	51.3	51.0	51.1	51.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	31.0	36.2	39.3	39.1	39.1
Tỷ suất LNT (%)	15.9	21.0	21.6	21.0	21.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	32.8	25.9	25.0	25.0	25.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.4	25.2	22.5	18.3	16.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	70.7	46.1	32.9	17.8	16.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	804	63.8	25.5	15.3	16.0
Tăng trưởng EPS (%)	804	63.8	25.5	15.3	16.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	804	63.8	25.5	15.3	16.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	340	0	6.06	14.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.6	109	86.8	79.9	78.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	17.4	24.6	28.0	30.5	32.4
ROACE (%)	20.7	28.0	33.1	36.6	38.9
Vòng quay tài sản (lần)	0.61	0.61	0.65	0.72	0.77
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	2.10	1.35	0.81	0.64	0.67
Số ngày tồn kho	58.4	87.4	83.4	82.1	80.8
Số ngày phải thu	165	110	104	101	97.2
Số ngày phải trả	81.2	127	112	116	120
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(30.7)	(32.0)	(23.8)	(11.0)	(4.90)
Nợ/tài sản (%)	4.35	6.21	8.23	9.91	10.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.25	0.32	0.33	0.37	0.38
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.15	1.79	1.77	1.77	1.83
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.58	5.14	4.25	3.59	3.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	21.2	14.2	10.8	9.18	7.82
P/E (lần)	47.2	28.8	23.0	19.9	17.2
P/E ĐC (lần)	47.2	28.8	23.0	19.9	17.2
P/B (lần)	7.42	6.20	5.99	5.58	5.06
Lợi suất cổ tức (%)	0.86	3.78	3.78	4.01	4.58

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn